

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2024
V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Lành**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Nhã Trúc**;
2. Bà **Võ Thị Trâm**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Thái Công Danh**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Phan Thanh Nhã** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Châu S**, sinh năm 1972; Địa chỉ: **Số B, ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh** (có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ N**, sinh năm 1977; Địa chỉ: **số A, ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh** (có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2024 và lời khai, kết quả thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Nguyễn Châu S** trình bày:* Ông và bà **Nguyễn Thị Mỹ N** chung sống từ năm 1995, có tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định, vì bận làm ăn và không am hiểu pháp luật. Vợ chồng chung sống 1996, sinh con và sống riêng cho đến nay, cả hai mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai đến nay trên 20 năm. Hiện ông và bà **N** không thể nào tiếp tục sống chung vì không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng, nên ông **S** vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bà **N**.

Về con chung: có 01 con chung tên: **Nguyễn Thị Mỹ P**, sinh năm: 1996, hiện

đã có gia đình riêng, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

* **Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N** trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 4 năm 2024: Bà N và ông S tự nguyện tự chung sống vợ chồng vào năm 1996, không đăng ký kết hôn, sau khi sinh con, bà và ông S sống riêng, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng sống riêng trên 20 năm, không liên hệ qua lại với nhau nhiều năm, hiện không còn ràng buộc nhau mọi mặt, không còn tình cảm, tình nghĩa với nhau. Nên thống nhất yêu cầu giải quyết ly hôn theo cầu của ông S.

Về con chung: có 01 con chung tên: **Nguyễn Thị Mỹ P**, sinh năm: 1996, hiện đã có gia đình riêng, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với quan điểm giải quyết vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/206/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông S và bà N, về con đã trưởng thành, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Tính án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn - ông **Nguyễn Châu S**, bị đơn - Bà **Nguyễn Thị Mỹ N**, đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông **Nguyễn Châu S** và bà **Nguyễn Thị Mỹ N** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Theo Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà N là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên **Nguyễn Thị Mỹ P**, sinh năm: 1996, hiện đã có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: **Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Châu S và bà Nguyễn Thị Mỹ N.**

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm: 1996, hiện đã có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Châu S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010810 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông S đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông S, bà N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Lành

